

Bản án số: 10/2021/DSPT

Ngày: 16/12/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Trần Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLPT-DS ngày 28/10/2021 về “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2021/DS-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện QV bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã VH, huyện QV, tỉnh BN.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã VH, huyện QV, tỉnh BN.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông T, bà D là người cùng thôn. Gia đình ông T, bà D có làm dịch vụ kho lạnh bảo quản khoai tây giống. Tháng 02/2019, ông T thông báo trên loa, bà có mang 203kg khoai tây giống đến

gửi tại kho lạnh nhà ông T. Khi gửi khoai bà giao trực tiếp cho ông T, ông T cho khoai lên bàn cân để kiểm tra số lượng khoai nhưng không kiểm tra chất lượng khoai. Giữa bà và ông T không ký hợp đồng gửi giữ khoai mà hai bên chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng. Bà có gửi ông T 203kg khoai giống với giá 2.400đ/1kg khoai giống từ tháng 02/2019 đến tháng 9/2019. Bà chưa trả tiền công gửi khoai cho ông T. Đến tháng 9/2019, bà đến nhà ông T lấy khoai về để trồng vụ đông. Vài ngày sau khi nhận khoai bà H kiểm tra thì thấy số khoai giống bị rắn chắc, bỏ ra thấy rỗng giữa, đen phồng xung quanh, chết phôi nên không thể trồng được. Bà đã đến nhà ông T để phản ánh về việc khoai tây do ông T bảo quản cho bà bị hỏng không trồng được và yêu cầu ông T bồi thường nhưng ông T không có thiện chí giải quyết mà còn có thái độ thách thức. Ông T có mang mẫu khoai đi giám định nhưng không có căn cứ cho rằng đó là khoai của gia đình bà và một số gia đình khác cùng gửi. Do đó, bà không chấp nhận kết quả giám định mà ông T đưa ra. Bà xác định khoai giống của gia đình bà bị hỏng là do kho lạnh của ông T không đảm bảo nên bà yêu cầu ông T bồi thường cho bà toàn bộ số khoai tây giống bị hỏng có giá trị là $203 \times 16.000\text{đ}/\text{kg} = 3.248.000\text{đ}$.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện bà chỉ yêu cầu ông T bồi thường cho bà một nửa số tiền của tổng số khoai giống bà gửi ông T.

Bị đơn ông Nguyễn Kim T trình bày: Ông xác nhận ông có làm dịch vụ kho lạnh để nhận bảo quản khoai tây cho các hộ dân trong vùng như bà H trình bày là đúng. Ông xác nhận vụ xuân năm 2019, ông có nhận của bà H 203kg khoai tây giống với giá gửi là 2.400đ/1kg.

Việc bà H cho rằng toàn bộ số khoai tây bà H gửi tại kho nhà ông bị hỏng hết ông không đồng ý. Theo ông số khoai tây đó chỉ bị hỏng một phần. Vì trong kho khi đó có bảo quản cả số khoai tây giống vụ Đông nhưng số khoai tây vụ Đông không bị hỏng mà chỉ khoai vụ Xuân do thời tiết không tốt dẫn đến chất lượng khoai giống kém nên mới bị hỏng. Về nguyên nhân hỏng là do số khoai giống các hộ đem gửi không đảm bảo chứ không phải do kho lạnh cũng như kỹ thuật bảo quản của ông. Ông lấy mẫu khoai của nhà bà Yên Tiên và bà Tuyên Phụ bị hỏng đi xét nghiệm tại Viện bảo vệ thực vật thì kết quả là do nhiễm nấm gây hỏng chứ không phải do kho lạnh. Ông thừa nhận trong quá trình bảo quản máy lạnh trong kho có bị hỏng nhưng đó không phải là nguyên nhân gây hỏng cho khoai tây giống của bà H. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường số tiền 3.248.000 đồng ông không đồng ý, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H.

Bà Nguyễn Thị D nhất trí với lời trình bày của ông T, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 554, 555, 556, 557 và 558

Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 244, 254, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận việc rút ½ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Đình chỉ giải quyết về việc rút ½ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.624.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên dương sự phải chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2021, ông Nguyễn Kim T kháng toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phân tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Kim T nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Khoảng tháng 02 năm 2019, bà Nguyễn Thị H có gửi khoai tây giống tại kho lạnh nhà ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D. Khi gửi khoai tây cả bên gửi bà H và bên nhận gửi ông T, bà D đều không làm hợp đồng gửi giữ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Sau đó khoai tây gửi tại kho lạnh nhà ông T, bà D bị hỏng nên bà H khởi kiện yêu cầu ông T, bà D phải bồi thường số tiền 3.248.000 đồng tương đương với số khoai tây bà phải mua giống với giá 16.000đ/kg. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H rút ½ yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông T, bà D bồi thường số tiền 1.624.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản và chấp nhận việc rút ½ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông T, bà D bồi thường cho nguyên đơn số tiền 1.624.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2021 ông Nguyễn Kim T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Kim T Hội đồng xét xử thấy: Giữa ông T và bà H có xác lập quan hệ gửi giữ tài sản là khoai tây giống. Việc gửi giữ các bên không lập hợp đồng nhưng ông T và bà H đều thừa nhận. Do khi gửi khoai tây tại nhà ông T các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về giá gửi mà không có thỏa thuận gì về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Đến tháng 9/2019, khi bà H nhận lại khoai về trồng thì vài ngày sau bà H có thông báo với ông T về việc toàn bộ số khoai tây gửi ông T bị hỏng. Khi gửi và khi lấy khoai về cả ông T và bà H đều không kiểm tra chất lượng khoai tây. Như vậy, khi có thiệt hại xảy ra thì cả hai bên phải có trách nhiệm.

Xét về nguyên nhân dẫn đến số khoai tây bị hỏng: Phía nguyên đơn xác định toàn bộ số khoai tây giống đều được phía nguyên đơn lựa chọn những củ giống tốt, đóng bao và mang gửi tại kho nhà ông T. Còn điều kiện và cách thức bảo quản như thế nào do ông T tự chịu trách nhiệm. Phía bị đơn là ông T cho rằng lý do khoai tây gửi tại nhà ông hỏng là do số khoai tây mang mầm bệnh từ trước, do đó ông không phải chịu trách nhiệm về số khoai tây bà H gửi nhà ông bị hỏng. Bởi theo kết luận giám định của Viện bảo vệ thực vật Hà Nội thì số khoai tây bị hỏng là do giống chứ không phải do bảo quản. Tuy nhiên, mẫu khoai tây ông T mang đi giám định không phải là của bà H. Do đó, không đủ căn cứ để khẳng định khoai tây nhà bà H hỏng từ lúc để giống nên ông T phải chịu một phần trách nhiệm đối với số khoai tây hỏng của bà H gửi. Mặt khác, ông T cũng thừa nhận việc máy lạnh trong kho bảo quản của gia đình ông bị hỏng. Do đó, bản án sơ thẩm nhận định về số khoai tây hỏng một phần là do hệ thống làm lạnh của kho nhà ông T bị hỏng và xác định nguyên nhân khoai tây bị hỏng có lỗi của nguyên đơn và bị đơn. Phía nguyên đơn là không kiểm tra cách thức bảo quản khoai tây, khi nhận lại khoai tây giống không kiểm tra ngay. Còn bị đơn có lỗi khi máy lạnh của kho bảo quản hỏng không thông báo cho nguyên đơn, khi nhận khoai tây giống để bảo quản không kiểm tra chất lượng của khoai. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút $\frac{1}{2}$ yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông T, bà D bồi thường $\frac{1}{2}$ số khoai tây hỏng. Do đó, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông T, bà D phải có trách nhiệm bồi thường cho bà H 1.624.000đ tương đương với $\frac{1}{2}$ số khoai tây giống hỏng là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Kim T.

Về án phí: Ông Nguyễn Kim T là gia đình chính sách nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 554, 555, 556, 557, 558 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 244, 254, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/NQ-QH12 ngày 20/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp quản lý, sử dụng án phí lệ phí tòa án, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận việc rút ½ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Đình chỉ giải quyết về việc rút ½ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị D phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.624.000đ do làm hỏng tài sản ông T, bà D nhận gửi giữ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, bà D và miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện QV;
- Chi cục THADS huyện QV;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Trần Văn Chính

Nguyễn Văn Tính

